

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG XUÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04/8/2023

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Bà Đặng Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Vào ngày 04 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án Nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** *Chị Trương Thị Thanh H – sinh năm 1991*

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

***Bị đơn:** *Anh Trần Quốc D – sinh năm 1989*

Địa chỉ: KP. C, thị trấn L, huyện D, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Trương Thị Thanh H tại phiên tòa như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D có thời gian tìm hiểu với nhau khoảng 02 năm, đến năm 2015 thì cả hai tự nguyện xây dựng gia đình với nhau. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên. Chị và anh D sống chung hạnh phúc đến tháng 9/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Sau đó anh D bỏ đi làm thuê cho đến nay không về nhà. Anh D hiện đang làm thuê tại TP. T, tỉnh Bình Thuận. Chị H có gọi điện gặp anh D yêu cầu anh D về giải quyết ly hôn nhưng anh D nói không về. Chị H nhận thấy hôn nhân giữa chị và anh D không có hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung: Trần Trương My S – sinh ngày 18/4/2016. Sau khi ly hôn, Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, xây dựng hồ sơ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn anh Trần Quốc D để lấy lời khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D không đến Tòa để làm việc. Tại phiên tòa hôm nay anh D tiếp tục vắng mặt.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Riêng bị đơn không thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Thanh H.

- Về con chung: Chị H và anh D có 01 con chung: Trần Trương My S – sinh ngày 18/4/2016.

Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận giao cháu S cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Chị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trương Thị Thanh H có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Quốc D. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn”. Anh D có địa chỉ tại KP. C, thị trấn L, huyện D, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án thực hiện đầy đủ việc tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D có thời gian tìm hiểu với nhau khoảng 02 năm, đến năm 2015 thì anh chị tự nguyện xây dựng gia đình với nhau. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 20/10/2015. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được 03 năm đầu. Sau đó thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng anh D bỏ đi làm thuê cho đến nay không về. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên Chị H làm đơn yêu cầu xin ly hôn với anh D. Quá trình giải quyết vụ án, anh D biết được việc Chị H làm đơn xin ly hôn. Tuy nhiên, anh D không đến Tòa để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Ngày 09/6/2023 Tòa án tiến hành xác minh tại Công an thị trấn L, Huyện D, tỉnh Phú Yên. Qua kiểm tra trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và nơi anh D đăng ký hộ khẩu thường trú thì anh D vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại KP. C, thị trấn L, huyện D, tỉnh Phú Yên nhưng anh D không có mặt ở tại địa phương. Hiện nay anh D sinh sống ở đâu, làm gì Công an không rõ vì anh D không thuộc đối tượng theo dõi, quản lý theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn, cuộc sống chung giữa Chị H và anh D có hạnh phúc được 03 năm đầu, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Đến năm 2018 thì anh D bỏ đi làm thuê đến nay không về. Xét thấy, tình cảm giữa Chị H và anh D thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị H đối với anh D là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị H và anh D có 01 con chung: Trần Trương My S – sinh ngày 18/4/2016. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét thấy lâu nay cháu S được Chị H trực tiếp chăm sóc, anh D bỏ đi không quan tâm đến gia đình, mặc khác cháu S có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy giao cháu S cho Chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con Chị H không yêu cầu nên HĐXX không xét giải quyết

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn) án phí HNGĐ sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thanh H.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thanh H được ly hôn với anh Trần Quốc D.

[2]. Về con chung: Giao cháu Trần Trương My S – sinh ngày 18/4/2016 cho Chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trương Thị Thanh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn) án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền Chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba

trăm ngàn đồng chẵn) theo biên lai số 0000835 ngày 27/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Thanh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Quốc D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Đồng Xuân;
- UBND xã X;
- UBND thị trấn L;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Ngọc Trung